

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

**CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
GIAI ĐOẠN 2016 - 2030**

HÀ NỘI, 2016

Số: 4.16.7. QĐ/HVBC-TT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chiến lược hoạt động khoa học
của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2016 - 2030

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quyết định số 6187/ QĐ- HVCTQG ngày 25-12-2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc Triển khai Chiến lược hoạt động khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2030;

Căn cứ Quy chế Quản lý hoạt động khoa học ban hành theo Quyết định số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18-6-2013;

Xét đề nghị của Trường Ban Quản lý khoa học;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành “Chiến lược hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2016-2030” (có văn bản kèm theo). Chiến lược này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2: Giao Ban Quản lý khoa học và Thường trực Hội đồng khoa học và Đào tạo Học viện tổ chức hướng dẫn thực hiện bản Chiến lược này.

Điều 3: Trường Ban Quản lý khoa học, Trường Ban Tổ chức Cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ƯA*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, Ban QLKH.



PGS, TS. Trương Ngọc Nam

CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN GIAI ĐOẠN 2016 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số ¹¹⁶⁷.../QĐ- HVBC&TT

Ngày 15/4/2016 của Giám đốc Học viện Báo chí và tuyên truyền)

I. BỐI CẢNH

Hiện nay, cách mạng khoa học – công nghệ, toàn cầu hóa đang diễn ra mạng mẽ. Hơn lúc nào hết, vai trò sáng tạo, dẫn dắt và truyền bá của giáo dục đại học được đề cao nhằm tạo ra sản phẩm nhân lực cũng như các thành tựu khoa học vượt trội, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế tri thức. Nhiều đại học hàng đầu trên thế giới với thế mạnh về thương hiệu, tài chính, hệ thống quản trị hiệu quả, cùng với sự ủng hộ của chính phủ đã vươn lên trở thành trung tâm học thuật và sáng tạo của thế giới.

Sau 30 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, đất nước ta đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử cả về kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ ... Ngày 11-4-2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt và ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020. Thực hiện Chiến lược của Thủ tướng Chính phủ, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã triển khai Chiến lược hoạt động khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2030, (Quyết định số 578/QĐ - HVCTQG ngày 24 - 2- 2016). Đây là những điều kiện, tiền đề quan trọng cho Chiến lược phát triển của Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn năm 2030 với sứ mệnh: “Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, là cơ sở đào tạo được xây dựng thành trường đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục

đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện là cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, báo chí – truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn khác”.

Bên cạnh đó, chiến lược hoạt động khoa học 10 năm (2005 - 2015) của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh ra đời đã tạo một bước tiến quan trọng, là cơ sở định hướng cho hoạt động khoa học của toàn Học viện. Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong hoạt động khoa học trên nhiều bình diện: Hoạt động nghiên cứu khoa học; hoạt động phổ biến, chuyển giao tri thức khoa học; hoạt động phát triển nguồn nhân lực khoa học, quản lý khoa học, hội thảo và thông tin khoa học,... Những thành tựu trong hoạt động khoa học của Học viện đã góp phần nhất định vào việc bảo vệ, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới; cung cấp các luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; phục vụ trực tiếp công tác nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Học viện.

Trong 10 năm (2005-2015), Học viện đã triển khai nghiên cứu 1.355 đề tài các cấp, trong đó có 818 giáo trình (783 giáo trình đại học và 35 giáo trình sau đại học). Các công trình khoa học tập trung vào các hướng nghiên cứu chính là Lý luận chính trị, Công tác tư tưởng và Báo chí - Truyền thông. Hệ thống giáo trình của Học viện không chỉ sử dụng trong hoạt động đào tạo của Học viện mà còn sử dụng trong hoạt động đào tạo ở các đơn vị, cơ sở nghiên cứu, đào tạo ngoài Học viện. Hệ thống các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn đa dạng, phong phú, có nhiều mức độ và cấp độ khác nhau. Đã bắt đầu hình thành những chương trình và dự án nghiên cứu lớn, huy động nhiều đơn vị và cá nhân trong và ngoài Học viện tham gia. Các công trình nghiên cứu đã phản ánh được những vấn đề mới

trong phương pháp tiếp cận, nghiên cứu, điều tra, khảo sát, kết hợp được tính lý luận cơ bản với tính ứng dụng và tổng kết thực tiễn rõ nét.

Nhiều công trình khoa học của Học viện đã được xã hội hóa thành sách tra cứu, hướng dẫn về nghiệp vụ hết sức cần thiết đối với những người đang hoạt động trong thực tiễn thuộc các ngành nghề khác nhau, nhất là lĩnh vực Công tác tư tưởng, Báo chí - Truyền thông. Đây có thể xem là biểu hiện sinh động của chính sách đào tạo gắn liền với nhu cầu thực tiễn.

Hàng năm, Học viện đều có công trình khoa học sinh viên tham dự cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và liên tục đạt giải, cụ thể là trong 10 năm gần đây đã đạt được: 2 giải nhất, 2 giải nhì, 4 giải ba, 20 giải khuyến khích. Điều đó chứng tỏ sinh viên của Học viện không chỉ học tập tốt mà rất có tiềm năng về nghiên cứu khoa học. Khả năng cạnh tranh của sinh viên Học viện so với sinh viên các trường đại học khác ngày càng được khẳng định và nâng cao. Thực tế đây cũng là cơ hội để sinh viên tập dượt nghiên cứu khoa học.

Các đề tài nghiên cứu của Học viện đã huy động được một nguồn nhân lực khoa học to lớn ở các cơ sở nghiên cứu, đào tạo khác cũng như ở các cơ quan đến từ Trung ương và địa phương tham gia.

Tuy vậy, hoạt động khoa học của Học viện còn nhiều hạn chế cần khắc phục, đó là: Học viện chưa thực sự xây dựng được một hệ thống chính sách, qui định để huy động, phát huy hiệu quả tiềm lực khoa học của Học viện; Hội đồng Khoa học và Đào tạo chưa thực sự phát huy tốt vai trò định hướng cho hoạt động khoa học, chưa xây dựng được một hệ thống các vấn đề nghiên cứu thực sự đáp ứng toàn diện yêu cầu của công tác đào tạo, bồi dưỡng và thực tiễn xã hội; chưa thực sự xây dựng và thực hiện chiến lược gắn nghiên cứu khoa học với giáo dục – đào tạo như là một yêu cầu bắt buộc, như một thể thống nhất; Một số sản phẩm khoa học ít có những phát hiện mới hàm chứa giá trị cao về lý luận và thực tiễn; thiếu các định hướng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về các lĩnh vực thế mạnh của Học viện như: Công tác tư tưởng, Báo chí – truyền

thông; vấn đề nghiên cứu chưa đa dạng, một số đề tài còn làm chiếu lệ, chất lượng chưa cao; chưa phát huy có hiệu quả vai trò của các nhóm chuyên gia trong hoạt động khoa học;...

Xuất phát từ bối cảnh thế giới và trong nước; căn cứ vào đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và kết quả hoạt động khoa học giai đoạn 2005 – 2015, Giám đốc học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Chiến lược hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và tuyên truyền giai đoạn 2016-2030 (sau đây gọi tắt là chiến lược).

II. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

1. Quan điểm

1.1. Hoạt động khoa học có nội dung toàn diện, cần xác định đúng trọng điểm để tập trung lực lượng và đầu tư nguồn lực một cách có hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu phát triển.

- Tính toàn diện của hoạt động khoa học thể hiện ở các nội dung sau đây: Đào tạo (bao gồm đào tạo các chuyên ngành lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng, Xây dựng Đảng, Nhà nước và Pháp luật,... và các chuyên ngành nghiệp vụ về Báo chí, Xuất bản, Xã hội học,... ở các bậc đại học và sau đại học); nghiên cứu khoa học (bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, tổng kết thực tiễn); thông tin khoa học (bao gồm các hoạt động phổ biến, tuyên truyền đường lối, chính sách phục vụ công tác giáo dục chính trị tư tưởng; thông tin các kết quả nghiên cứu, các tri thức khoa học và phương pháp mới); quản lý khoa học (thực hiện các quy chế, cơ chế, chính sách, quy trình nghiên cứu khoa học theo Luật Khoa học – Công nghệ và các thể chế quản lý nhà nước về khoa học); xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động khoa học (mạng LAN, thư viện, hành chính hậu cần khoa học); xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học (xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học làm công tác giảng dạy, nghiên cứu, đặc biệt là xây dựng đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành và bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ).

- Hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tập trung vào hai lĩnh vực then chốt là đào tạo và nghiên cứu. Đây là hai lĩnh vực có quan hệ mật thiết, không thể tách rời. Chất lượng đào tạo, mà trực tiếp là chất lượng giảng dạy tùy thuộc vào chất lượng nghiên cứu khoa học. Mặt khác, thực tiễn đào tạo, giảng dạy lại đặt ra những vấn đề thúc đẩy nghiên cứu. Do đó, phải kết hợp chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học trong mọi hoạt động của Học viện.

- Mỗi giảng viên tiến hành các hoạt động sư phạm của mình trên cơ sở nghiên cứu khoa học một cách độc lập. Có thể nói, giảng viên đồng thời là nhà khoa học: giảng dạy dựa trên nghiên cứu, dùng phương pháp và phong cách khoa học của nhà nghiên cứu để tác động tới người học, thúc đẩy người học biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Càng đẩy mạnh công tác đào tạo càng phải chú trọng nghiên cứu khoa học.

- Nghiên cứu khoa học trong Học viện Báo chí và Tuyên truyền là nghiên cứu lý luận chính trị, công tác tư tưởng và báo chí – truyền thông; kết hợp nghiên cứu lý luận cơ bản với nghiên cứu ứng dụng; ứng dụng lý luận vào thực tiễn và tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận.

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác tư tưởng của Đảng cũng như các vấn đề lý luận và thực tiễn của báo chí – truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa là những ưu tiên hàng đầu trong phương hướng nghiên cứu lâu dài của Học viện.

1.2. Hoạt động khoa học phải chú trọng đề cao chất lượng, hiệu quả nâng cao tính mục đích và ý nghĩa thực tiễn của các công trình nghiên cứu

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong Học viện phải đảm bảo cung cấp cho xã hội những cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực chuyên môn cao, đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn đời sống. Muốn vậy, trước hết, cần đẩy mạnh việc đổi mới chương trình, giáo trình cũng như phương pháp dạy và học.

- Công tác nghiên cứu khoa học trong Học viện phải xuất phát từ những đòi hỏi của thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn. Do đó, phải chú trọng đổi mới quan niệm và phương pháp nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn và thước đo đánh giá chất lượng, có cơ chế và biện pháp thích hợp để đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong thực tiễn.

1.3. Kết hợp hài hòa giữa tính cá nhân và tính tập thể trong hoạt động khoa học, đặc biệt là trong nghiên cứu khoa học

- Đề cao tính sáng tạo, phát huy năng lực tư duy độc lập của từng người trên cơ sở giữ vững các mối liên kết xã hội trong các cộng đồng khoa học. Đề cao trách nhiệm cá nhân trong sự phối hợp chặt chẽ với các nỗ lực của tập thể, đơn vị để xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học trong Học viện.

- Có cơ chế, chính sách và biện pháp đánh giá chính xác, công bằng những cống hiến khoa học của cá nhân nhà khoa học, của tập thể khoa học, tạo môi trường, cơ hội cho sự phát triển của các sáng kiến, các đóng góp riêng và chung của từng người cũng như từng tập thể đối với sự nghiệp khoa học.

1.4. Đảm bảo dân chủ, bình đẳng trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Môi trường dân chủ và bình đẳng là điều kiện thuận lợi để các nhà khoa học phát huy cao nhất tư duy sáng tạo cá nhân. Trong nghiên cứu khoa học, mỗi người đều có quyền cất lên tiếng nói riêng của mình, không chịu những sự áp đặt mang tính chủ quan duy ý chí; và yếu tố quan trọng hàng đầu dùng để đánh giá một nhà khoa học phải là năng lực chuyên môn đích. Dân chủ và bình đẳng là động lực để phát triển khoa học và nhân cách khoa học.

1.5. Đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng và các tổ chức Đảng trong hoạt động khoa học của Học viện

- Công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trong Học viện phải thể hiện đúng đắn nhất quan điểm, đường lối của Đảng; quán triệt sâu sắc chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cá nhân, mỗi tập thể cần phát huy tính chủ động, sáng tạo trên cơ sở giữ vững nguyên tắc Đảng và không ngừng

rèn luyện bản lĩnh chính trị; mặt khác, phải nâng cao tính chiến đấu để có thể phê phán, phản bác các quan điểm sai trái trong giảng dạy và trong các công trình nghiên cứu một cách khoa học.

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức trong hoạt động khoa học. Tăng cường giáo dục đạo đức khoa học, đặc biệt là đối với cán bộ trẻ. Chú trọng xây dựng các tập thể khoa học, các điển hình tiên tiến theo các chuẩn mực và định hướng giá trị khoa học.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, xây dựng Học viện trở thành một trung tâm quốc gia về nghiên cứu lý luận chính trị, công tác tư tưởng và báo chí – truyền thông với đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành, có trình độ cao trong các lĩnh vực chuyên ngành đào tạo của Học viện, có năng lực thực hiện tốt các nhiệm vụ khoa học, các đề tài lớn. Kết quả hoạt động khoa học đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Học viện; góp phần bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy sự phát triển nền khoa học xã hội – nhân văn của đất nước; khẳng định được vị thế, vai trò quan trọng của Học viện trong hệ thống Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và trong hệ thống các trường đại học Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.1. Về hoạt động nghiên cứu khoa học

Nâng cao hơn nữa tính thực tiễn của hệ thống đề tài khoa học. Hệ thống đề tài nghiên cứu của Học viện (chủ yếu gồm đề tài cấp Bộ, cấp cơ sở trọng điểm, cấp Học viện, cấp khoa, bộ môn; đề tài sinh viên) cần được xây dựng và tổ chức thực hiện theo phương châm chiến lược: gắn nghiên cứu khoa học với chức năng nhiệm vụ chính trị của Học viện. Nếu căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ thực tiễn, có thể chia hệ thống đề tài này thành hai nhóm chính sau:

- Nhóm đề tài nghiên cứu các vấn đề của chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các vấn đề truyền thông đại chúng và các vấn đề liên quan đến những chuyên ngành đào tạo của nhà trường nhằm một mặt nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo, mặt khác góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn, làm cơ sở khoa học cho hoạt động chính sách.

- Nhóm đề tài phục vụ quản lý đào tạo, quản lý khoa học, quản lý mọi mặt hoạt động của Học viện. Kết quả nghiên cứu đạt được sẽ là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý đồng bộ, khoa học về các lĩnh vực hoạt động trong Học viện.

Phấn đấu đến năm 2030, có đủ giáo trình cho tất cả các môn học hiện đang có trong chương trình đào tạo, trong đó, khoảng 70% được in thành sách; có những công trình quy mô lớn, có giá trị cao cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, liên quan tới các chuyên ngành đào tạo mũi nhọn của nhà trường như: Triết học, công tác tư tưởng, báo chí,...

2.1.2. Về xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học của Học viện

Phấn đấu đến năm 2030, mỗi chuyên ngành đào tạo có ít nhất 5 Giáo sư, Phó giáo sư; 65 – 70% cán bộ giảng dạy có trình độ Tiến sĩ trở lên. Tất cả cán bộ giảng dạy, nghiên cứu sử dụng thành thạo một ngoại ngữ và các phương pháp, phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ công việc chuyên môn.

Để làm được điều đó, trước hết cần nâng cao chất lượng tuyển dụng cán bộ trẻ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới theo hướng:

+ Tuyển dụng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ do Học viện và các cơ sở khác đào tạo, đảm bảo cơ cấu độ tuổi hợp lý, có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có học lực giỏi, có triển vọng phát triển chuyên môn nghề nghiệp.

+ Hoàn thiện tiêu chuẩn tuyển dụng cán bộ khoa học, đảm bảo sự công bằng, công khai, đáp ứng đòi hỏi về chuyên môn khoa học.

Bên cạnh đó, phải đẩy mạnh hoạt động đào tạo cán bộ học vị cao, chú trọng việc cử cán bộ đi đào tạo ở các cơ sở có uy tín trong và ngoài nước; đồng

thời tăng cường hoạt động đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên, khuyến khích mọi hình thức tự đào tạo đối với nguồn nhân lực khoa học.

2.1.3. Cùng cố phát triển nguồn thông tin tư liệu phục vụ nghiên cứu khoa học

Việc cùng cố phát triển nguồn thông tin tư liệu phục vụ nghiên cứu khoa học chú trọng 3 mảng hoạt động sau:

- Đẩy mạnh khai thác, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học một cách hiệu quả. Tạo ra môi trường thuận lợi trong khai thác, phổ biến thông tin khoa học.

- Tổ chức tốt các buổi thông tin khoa học chuyên đề, đảm bảo cung cấp thông tin mới thuộc các lĩnh vực đào tạo của Học viện. Trong hoạt động này, cần vừa huy động được tiềm lực nhân lực ngoài Học viện, vừa phát huy được tiềm lực nhân lực khoa học của Học viện.

- Duy trì và phát triển các hình thức thông báo kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên. Mỗi năm tổ chức một Hội nghị thông báo kết quả nghiên cứu khoa học cấp Học viện. Đưa lên mạng, website các công trình tiêu biểu.

2.1.4. Từng bước khai thác, hình thành tiềm lực tài chính vững mạnh phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học

- Học viện cần tăng thêm kinh phí hỗ trợ các hoạt động khoa học.

- Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, giao dịch, trao đổi với các địa phương, ngành, các tổ chức trong và ngoài nước, qua đó có thể huy động thêm kinh phí hỗ trợ cho hoạt động khoa học của Học viện.

2.1.5. Đầu tư đồng bộ và sử dụng có hiệu quả hệ thống trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu và giảng dạy

- Xây dựng Phòng Sinh hoạt khoa học hiện đại.

- Trang bị các phòng thực hành nghiệp vụ cho các khoa chuyên ngành.

- Dẫn hoàn thiện công nghệ quản lý và công nghệ đào tạo. Phần đầu tới năm 2020 mọi hoạt động điều hành, kiểm tra, giám sát các công việc liên quan tới đào tạo và khoa học đều được thực hiện thông qua mạng.

2.1.6. Kiện toàn đổi mới cơ cấu tổ chức và quy chế làm việc của các Hội đồng khoa học và đào tạo, của cơ quan quản lý khoa học

Kiện toàn, củng cố và phát huy trách nhiệm Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện, Hội đồng khoa học và đào tạo các đơn vị theo hướng quy tụ trí tuệ các nhà khoa học tiêu biểu, đảm bảo cho các Hội đồng khoa học và đào tạo thực sự là cơ quan tư vấn đắc lực cho Giám đốc trong xây dựng và thực thi các nhiệm vụ khoa học.

- Trên cơ sở các văn bản pháp lý của Nhà nước về hoạt động khoa học – công nghệ, các văn bản hướng dẫn của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Quy chế Quản lý khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2011; đồng thời, căn cứ vào thực tiễn hoạt động khoa học của đơn vị, ban hành các quy định bổ sung hoặc sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới.

- Kiện toàn về số lượng, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý khoa học. Công tác quản lý khoa học phải được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển của hoạt động khoa học Học viện.

2.1.7. Củng cố và mở rộng quan hệ với các cơ sở đào tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước

Củng cố và mở rộng quan hệ với các cơ sở đào tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước dưới các hình thức như: thông tin, hội thảo khoa học; gửi cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ; liên kết thực hiện các dự án, nghiên cứu các đề tài. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương để thực hiện các đề tài nghiên cứu, tổng kết thực tiễn.

Cần đặc biệt chú trọng khai thác các khả năng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

3. Định hướng nhiệm vụ nghiên cứu chính

- Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin;
- Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Nghiên cứu hệ thống chính trị Việt Nam, đặc biệt là tổ chức Đảng, Nhà nước,...

- Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;

- Nghiên cứu công tác tư tưởng – văn hóa;

- Nghiên cứu quan hệ quốc tế;

- Nghiên cứu báo chí – truyền thông;

- Nghiên cứu những vấn đề về thời đại (cách mạng khoa học – công nghệ, toàn cầu hóa,...);

- Nghiên cứu hoàn thiện chương trình, giáo trình; phương pháp giảng dạy và học tập hiện đại; chuẩn đầu ra cho các hệ đào tạo và phương pháp đánh giá chất lượng, hiệu quả đào tạo phù hợp với chuẩn đầu ra mới.

4. Nhiệm vụ và các giải pháp

4.1. Nhiệm vụ

- Triển khai nghiên cứu thành công nhiều công trình khoa học có chất lượng, có giá trị cao trong việc ứng dụng vào đào tạo, bồi dưỡng các ngành Lý luận chính trị, Công tác tư tưởng và Báo chí - Truyền thông; có giá trị ứng dụng cao trong đời sống xã hội, đặc biệt trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác tư tưởng và báo chí - truyền thông.

- Tăng cường phát triển nguồn lực khoa học, đặc biệt là nguồn nhân lực khoa học chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển Học viện trong tình hình mới.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý khoa học phù hợp với thực tiễn đất nước.

- Tăng cường hoạt động hợp tác với các cơ quan trong nước và nước ngoài về khoa học

4.2. Các giải pháp thực hiện

4.2.1. Đổi mới nhận thức về hoạt động khoa học

- Cần nhận thức đúng vai trò, vị trí, chức năng và nhiệm vụ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo tinh thần Nghị quyết 52/TU của Bộ Chính trị, từ

đó xác định rõ trách nhiệm của từng đơn vị và từng cá nhân đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển của Học viện trong những năm tới.

- Để tránh thái độ chỉ chú trọng giảng dạy mà xem nhẹ nghiên cứu khoa học, cần làm cho đội ngũ giảng viên hiểu rằng, giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai mặt gắn bó hữu cơ, không thể tách rời. Hoạt động nghiên cứu khoa học là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng giảng dạy. Thực tiễn xã hội hiện nay đòi hỏi người thầy phải giảng dạy với tư cách là một nhà khoa học, giảng dạy bằng chính kết quả nghiên cứu của mình.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần tự giác và tính chủ động sáng tạo của từng nhà khoa học đối với công tác nghiên cứu. Làm chuyển biến nhận thức trong đội ngũ giảng viên để nghiên cứu khoa học thực sự trở thành nhu cầu tự thân của họ.

4.2.2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức, triển khai các hoạt động khoa học gắn với nhiệm vụ chính trị của Học viện

Gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của Học viện và hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết hợp chặt chẽ công tác nghiên cứu lý thuyết cơ bản với tổng kết thực tiễn. Đầu tư các nguồn lực để thực hiện những công trình lớn, có tính đột phá, gắn với nhiệm vụ chính trị của Học viện. Khuyến khích các nhà khoa học tìm kiếm, sáng tạo các giải pháp mới, đề xuất những hướng nghiên cứu mới thiết thực, hiệu quả, phù hợp với hướng nghiên cứu chính của Học viện. Tích cực tổ chức các diễn đàn để các nhà khoa học công bố ý tưởng nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu. Khuyến khích, hỗ trợ các nhà khoa học xã hội hóa kết quả nghiên cứu; tiếp thu, truyền bá những tinh hoa và thành tựu mới của nền khoa học xã hội – nhân văn đương đại để vận dụng vào phát triển lý luận chính trị của đất nước. Đầu tư bồi dưỡng về phương pháp luận nghiên cứu và quy trình nghiên cứu khoa học hiện đại cho các nhà khoa học trẻ. Phát huy hiệu quả vai trò của Hội đồng khoa học - đào tạo và các Nhóm chuyên gia tư vấn hoạt động nghiên cứu khoa học.

4.2.3. Hoàn thiện cơ chế quản lý khoa học

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn bộ máy quản lý khoa học theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tích cực, chủ động tìm kiếm và áp dụng các mô hình quản lý khoa học mới để tạo động lực cho hoạt động khoa học của Học viện. Xây dựng các tập thể khoa học mạnh và tạo lập môi trường học thuật dân chủ, sáng tạo, công bằng, minh bạch; khuyến khích đột phá trong tư duy, tôn trọng giá trị học thuật cá nhân. Hoàn thiện cơ chế và nâng cao chất lượng công tác tư vấn, xây dựng kế hoạch và nghiệm thu, thẩm định kết quả nghiên cứu. Phân bổ hợp lý và công bằng nguồn lực khoa học theo hướng ưu tiên những đề tài có tính cấp thiết, gắn liền với nhiệm vụ chính trị của Học viện. Hoàn thiện cơ chế thanh, quyết toán theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học. Tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động khoa học theo định kỳ. Xây dựng cơ chế và tiêu chí đánh giá năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học của đơn vị, các nhà khoa học để ghi nhận thành tích, đóng góp của họ. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc quy chế khen thưởng, kỷ luật trong hoạt động khoa học.

4.2.4. Phát triển nguồn lực khoa học

Tuyển chọn cán bộ, giảng viên là những người tốt nghiệp đại học, sau đại học loại giỏi, xuất sắc; có chính sách và cơ chế thu hút, đãi ngộ những nhà khoa học có năng lực, trình độ cao, phẩm chất tốt về làm việc tại Học viện. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để các nhà khoa học trau dồi và phát huy năng lực nghiên cứu. Kịp thời phát hiện, bồi dưỡng những nhà khoa học trẻ có năng lực, triển vọng. Có chính sách ưu tiên xây dựng, phát triển đội ngũ khoa học đầu ngành và các nhóm nghiên cứu mạnh. Khai thác các nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí khác phục vụ hoạt động khoa học. Tích cực tìm kiếm đơn đặt hàng nghiên cứu khoa học từ các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước. Xây dựng quỹ hỗ trợ và hệ thống cơ sở kỹ thuật phục vụ hoạt động khoa học. Tổ chức các hoạt động thông tin khoa học và số hóa các kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu hoặc công bố nhằm

phục vụ đắc lực cho công tác nghiên cứu khoa học. Xây dựng tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông đáp ứng chuẩn mực quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong Học viện.

4.2.5. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học

Tăng cường, mở rộng quan hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng, công bố kết quả nghiên cứu và huy động các nguồn lực phục vụ công tác nghiên cứu khoa học. Gắn hợp tác quốc tế với các các nhiệm vụ khoa học và công tác giảng dạy ở Học viện. Chủ động tìm kiếm các đối tác quốc tế có uy tín, có năng lực tài chính và tiềm lực khoa học để đề xuất, tổ chức, triển khai các nhiệm vụ khoa học. Tích cực thúc đẩy hình thành cơ chế đặt hàng nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức Trung ương và địa phương trong lĩnh vực lý luận chính trị, công tác tư tưởng và báo chí - truyền thông. Mời các nhà khoa học giỏi trong và ngoài nước đến Học viện trao đổi những thành tựu khoa học mới và chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp nghiên cứu.

4.2.6. Đầu tư hợp lý cho hoạt động khoa học.

- Quán triệt nhận thức đầu tư cho khoa học là đầu tư phát triển, Học viện cần ưu tiên phân bổ ngân sách cho hoạt động khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý theo hướng tăng dần từng năm, đáp ứng yêu cầu phát triển Học viện.

- Ngoài nguồn ngân sách đầu tư, cần xây dựng cơ chế chính sách thu hút và tạo ra các nguồn đầu tư khác cho phát triển khoa học.

- Thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Học viện nhằm:

+ Tài trợ cho các nhiệm vụ khoa học đột xuất, phát sinh có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn; các nhiệm vụ khoa học có triển vọng nhưng có tính rủi ro cao.

+ Hỗ trợ tài chính (dưới nhiều hình thức như: cho vay không lấy lãi, đầu tư không hoàn lại một phần kinh phí,...) để giúp các nhà khoa học thực hiện việc ứng dụng kết quả nghiên cứu hoặc xã hội hóa sản phẩm nghiên cứu.

+ Khen thưởng các cá nhân và đơn vị có thành tích cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Thay đổi các mức chi tài chính theo hướng tăng so với trước. Các quy định hiện nay về mức chi tài chính trong nghiên cứu khoa học đã quá lạc hậu đối với thực tiễn cuộc sống, vừa không kích thích được sự say mê nghiên cứu, lại vừa khuyến khích sự thiếu trung thực trong việc lập hóa đơn, chứng từ thanh quyết toán.

- Nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc thanh, quyết toán của các chủ nhiệm đề tài bằng cách áp dụng các hình thức sau:

Khi nhận đề tài, chủ nhiệm sẽ được giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể (Các nhiệm vụ này có thể do chủ nhiệm đề xuất nhưng phải được Hội đồng có thẩm quyền thông qua) cùng một khoản kinh phí phù hợp. Sau khi đề tài được nghiệm thu với kết quả từ đạt trở lên, chủ nhiệm sẽ được thanh toán một lần toàn bộ số kinh phí theo hợp đồng mà không cần giải trình từng đầu việc cụ thể bằng hóa đơn, chứng từ.

- Đổi mới trang, thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu và quản lý khoa học. Trong nguồn kinh phí hỗ trợ các hoạt động khoa học mà Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phân bổ cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền nên có phần kinh phí dành cho đổi mới, bổ sung hoặc nâng cấp trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý khoa học.

5. Tổ chức và phân công thực hiện

5.1. Tổ chức thực hiện

- Hội đồng khoa học Học viện và đào tạo giữ vai trò chỉ đạo thực hiện chiến lược, Ban Giám đốc Học viện có trách nhiệm tổ chức thực hiện chiến lược.

- Thường trực Hội đồng khoa học và đào tạo là bộ phận tư vấn giúp Ban Giám đốc xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động hàng năm với nghiên cứu nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược.

- Ban Quản lý khoa học có trách nhiệm triển khai chiến lược này tới các đơn vị trong Học viện.

- Ban lãnh đạo các khoa, ban, phòng trực thuộc Giám đốc căn cứ vào Chiến lược này để xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học phù hợp với đơn vị mình.

- Giữa Ban Quản lý khoa học, các ban, phòng chức năng khác và các đơn vị khoa trong Học viện cần có sự phối hợp chặt chẽ để đôn đốc, thúc đẩy các tập thể và cá nhân trực tiếp hoạt động khoa học thực hiện tốt Chiến lược này.

- Chiến lược này dùng làm cơ sở cho việc tổng kết sau mỗi năm học và triển khai nhiệm vụ năm học mới. Mọi điều chỉnh, bổ sung đối với nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược do Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng khoa học Học viện quyết định

5.2. Phân công thực hiện

4.2.1. Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện

- Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện; Hội đồng Khoa học và Đào tạo các đơn vị có trách nhiệm phổ biến, quán triệt Chiến lược đến các đơn vị và các nhà khoa học trong toàn Học viện; có trách nhiệm tư vấn định hướng và giải pháp thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược tùy theo từng giai đoạn.

- Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện phối hợp với Ban Quản lý khoa học xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược.

4.2.2. Ban Quản lý khoa học

Ban Quản lý khoa học là cơ quan thường trực giúp Giám đốc Học viện triển khai Chiến lược. Ban có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng lộ trình và kế hoạch 5 năm, hằng năm thực hiện Chiến lược.

- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý khoa học theo các nội dung của Chiến lược.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan để huy động, khai thác các nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện Chiến lược.

- Tiến hành sơ kết định kỳ và báo cáo Giám đốc Học viện về tình hình thực hiện Chiến lược.


4.2.3. Các đơn vị chức năng

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý khoa học thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược theo từng giai đoạn.

4.2.4. Lãnh đạo các đơn vị khoa học

- Phổ biến, quán triệt chiến lược đến từng thành viên của đơn vị, đồng thời xác định nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị trong việc thực hiện Chiến lược của Học viện.

- Xây dựng kế hoạch triển khai Chiến lược của đơn vị theo Chiến lược của Học viện.

- Nội dung tổng kết năm học và triển khai nhiệm vụ năm học mới phải bám sát nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược. Lấy các nhiệm vụ, nội dung trong Chiến lược làm cơ sở đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất điều chỉnh cần thiết cho các năm tiếp theo. 



PGS, TS. Trương Ngọc Nam

